SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ TP MÓNG CÁI

Số: 511 /TTYT-KD
V/v mời chào giá hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn cho Trung tâm Y tế TP Móng Cái năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Móng Cái, ngày 07 tháng 05 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tai Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quy trình mua sắm số 336/QĐ-TTYT ngày 03 tháng 05 năm 2024 của Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái Về việc ban hành Quy trình mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ và bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái.

Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất xét nghiệm bổ sung phục vụ công tác chuyên môn cho Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I.Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1.Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái - Đường Tuệ Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

2.Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Hoàng Quốc Bảo- Trưởng khoa Dược -TTB VTYT; SĐT: 0333163998

Email: ttytmc.syt@quangninh.gov.vn

3.Cách thức tiếp nhận báo giá:

-Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái - Đường Tuệ Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

-Nhận qua Email: ttytmc.syt@quangninh.gov.vn

4.Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 05 năm 2024 đến ngày 17 tháng 05 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5.Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1.Danh mục hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn cho Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái năm 2024: *Phụ lục 1 đính kèm.*

-Yêu cầu các đơn vị quan tâm gửi báo giá theo mẫu đính kèm: *Phụ lục 2*

2. Địa điểm nhận hàng; Tại Khoa Dược -TTB VTYT Trung tâm Y tế Móng Cái, Đường Tuệ Tĩnh, Phường Ninh Dương, TP Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận
- Như kính gửi;
- SYT QN (đăng tải)
- Bộ phận CNTT trung tâm;
- Lưu: VT,KD;

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Đoàn Ngọc Thủy

Phụ lục I:

(Kèm theo công văn số 1226/TTYT-KD của Trung tâm Y tế TP Móng Cái)

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bình thường	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bình thường dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bình thường	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bình thường dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
5	Thuốc thử xét nghiệm Albumin	Thuốc thử xét nghiệm Albumin dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
6	Thuốc thử xét nghiệm ALP	Thuốc thử xét nghiệm ALP dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
7	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	16
8	Thuốc thử xét nghiệm amylase	Thuốc thử xét nghiệm amylase dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
9	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	16
10	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
11	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
13	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci)	Thuốc thử xét nghiệm Ca (Calci) dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	3
14	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	10
15	Thuốc thử xét nghiệm CK	Thuốc thử xét nghiệm CK dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
16	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB	Thuốc thử xét nghiệm CK-MB dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
17	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine Jaffé	Thuốc thử xét nghiệm Creatinine Jaffé dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	10
18	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Thuốc thử xét nghiệm CRP dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	5
19	Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm	Chất phụ gia thêm vào buồng phản ứng để làm giảm sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống phân tích sinh hóa, dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	sức căng bề mặt dùng trên các hệ thống phân tích sinh hóa,			
20	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	3
21	Thuốc thử xét nghiệm GGT	Thuốc thử xét nghiệm GGT dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
22	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	Thuốc thử xét nghiệm Glucose dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	10
23	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm HDL-Cholesterol dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
24	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol	Thuốc thử xét nghiệm LDL-Cholesterol dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	4
25	Chất pha loãng mẫu xét nghiệm sinh hóa	Chất pha loãng mẫu xét nghiệm sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	5
26	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	7
27	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bệnh lý.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa ngưỡng bệnh lý. dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
28	Dung dịch 1 rửa kim hút cho máy sinh hóa	Dung dịch 1 rửa kim hút cho máy sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
29	Dung dịch 2 rửa kim hút cho máy sinh hóa	Dung dịch 2 rửa kim hút cho máy sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
30	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng	Dung dịch rửa cho kim hút thuốc thử và cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	2
31	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
32	Thuốc thử xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy	Thuốc thử xét nghiệm Protein trong nước tiểu và dịch não tủy dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
33	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	15
34	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric	Thuốc thử xét nghiệm Acid uric dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	5
35	Thuốc thử xét nghiệm Ure	Thuốc thử xét nghiệm Ure dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	15

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bệnh lý.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ammonia, ethanol, CO2 ngưỡng bệnh lý. dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Albumin (microalbumin) dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
38	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
39	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
40	Dung dịch rửa có tính kiềm cho cóng phản ứng	Dung dịch rửa có tính kiềm cho cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	4
41	Dung dịch rửa có tính acid cho cóng phản ứng	Dung dịch rửa có tính acid cho cóng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	1
42	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt)	Thuốc thử xét nghiệm Fe (Sắt) dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá C311	Hộp	**2**
43	Thẻ định danh vi nấm	Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITEK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men	Hộp	2
44	Thẻ làm kháng sinh đồ vi nấm	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	2
45	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy VITEK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	20
46	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm các loại	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với Hệ thống VITEK® 2 để xác định tính nhạy cảm của trực khuẩn Gram âm hiếu khí thường gặp. Mỗi thẻ AST chứa các kháng sinh được chọn có nồng độ khác nhau.	Hộp	30
47	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	20
48	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương các loại	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	15
49	Thẻ định danh cho Neisseria/ Haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi khuẩn khó mọc Thẻ gồm 30 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebateria	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi sinh vật kỵ khí và các loài Corynebacterium Thẻ gồm 36 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	Hộp	1
51	Nước muối 0,45%	Nước muối 0.45% dùng với máy VITEK 2, pH: 4.5 - 7, là sản phẩm IVD (in vitro diagnostic).	Chai	20
52	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	Hộp	2
53	Hóa chất xét nghiệm PT	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động đã hiệu chuẩn sẵn cho tất cả các lọ hóa chất của mỗi lô. - Thuốc thử 1: chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ. Ngoài ra còn chứa một chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi.	Hộp	5
54	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin từ mô não thỏ, dung dịch đệm kaolin.	Hộp	3
55	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin.	Hộp	1
56	Nội kiểm đông máu thường quy	Huyết tương người bình thường và bất bình thường có citrated dạng đông khô; gồm hai mức nồng độ khác nhau của các chỉ số đông máu thường quy: PT, aPTT, TT, Fibrinogen, Antithrombin. Bền 24 giờ trên máy.	Hộp	1
57	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đệm) có pH khoảng 7,35.	Hộp	1
58	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu	Dung dịch Canxi Clorua 0.025 M dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố con đường nội sinh	Hộp	1
59	Hóa chất rửa máy hệ thống đông máu tự động	Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động, thành phần chính chứa chất diệt nấm họ ether glycol pha loãng trong dung môi nước.	Hộp	1
60	Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động	Dung dịch khử nhiễm trên hệ thống máy đông máu, chứa kali hydroxide nồng độ < 1 %. Bền trên máy 5 - 14 ngày trên tủy dòng máy phân tích	Hộp	2
61	Cóng đo từ xét nghiệm đông máu cho máy tự động	Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong	Thùng	1
62	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A	Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A. Anti A có màu xanh lam	Lọ	60
63	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B	Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B. Anti có màu vàng	Lọ	60
64	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB	Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B. Anti AB không có màu	Lọ	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu D	Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Lọ	50
66	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AHG	Thuốc thử có chứa chất kháng IgG có nguồn gốc từ thỏ với hoạt tính không đặc hiệu được loại bỏ bằng cách hấp thụ và IgM đơn dòng chống chuột, Clone BRIC-8. Các kháng thể được pha loãng trong dung dịch đệm có chứa albumin bò. Thuốc thử có màu xanh lục do thuốc nhuộm Patent Blue và Tartazine được thêm vào.	Lọ	5
67	Khay/Que thử xét nghiệm định tính treponema pallidum	Xét nghiệm phát hiện định tính treponema pallidum, kháng thể trong huyết thanh/huyết tương/máu toàn phần của người. Xét nghiệm miễn dịch tăng cường keo vàng để xác định kháng thể TP (bao gồm IgM, IgG và IgA) trong máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh của người.	Test	3.000
68	Khay thử xét nghiệm định tính Kháng thể IgG/IgM của virus Dengue	Xét nghiệm chứa một dải màng được phủ kháng thể IgG kháng sốt xuất huyết và IgM kháng sốt xuất huyết trên vạch thử nghiệm, kháng thể dê kháng chuột trên vạch đối chứng và một miếng đệm liên hợp có chứa keo vàng kết hợp với kháng thể kháng sốt xuất huyết.	Test	150
69	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên NS1	Xét nghiệm miễn dịch tăng cường keo vàng để xác định kháng nguyên NS1. Kháng thể kháng kháng nguyên NS1 (đặc hiệu với DEV1 DEV2 DEV3 DEV4) được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Kháng thể kháng kháng nguyên NS1 (đặc hiệu với DEV1 DEV2 DEV3 DEV4) được kết hợp với keo vàng nhúng trong miếng liên hợp phản ứng với kháng nguyên NS1 có trong mẫu máu, huyết tương hoặc huyết thanh tạo thành phức hợp liên hợp/kháng thể-kháng nguyên.	Test	200
70	Khay thử xét nghiệm định tính các kháng nguyên virus cúm A/B	Kháng thể chống cúm A và kháng thể chống cúm B được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Mẫu thử được phản ứng với liên hợp có màu (kháng thể chống cúm A và/hoặc liên hợp vàng keo kháng thể chống cúm B)	Test	1.300
71	Khay thử xét nghiệm định tính Rotavirus trong phân	Xét nghiệm chứa một dải màng được phủ kháng thể chống vi-rút rota trên vạch thử nghiệm, kháng thể chống chuột của dê trên vạch đối chứng và một miếng thuốc nhuộm chứa vàng keo kết hợp với kháng thể chống vi-rút rota.	Test	250
72	Khay thử xét nghiệm định tính virus viêm gan C	Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (chứa lõi, NS3, NS4 và NS5) được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (chứa lõi, NS3, NS4 và NS5) được kết hợp với keo	Test	5.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		vàng nhúng trong miếng liên hợp phản ứng với kháng thể HCV có trong mẫu máu, huyết tương hoặc huyết thanh tạo thành phức hợp liên hợp/kháng nguyên-kháng thể HCV.		
73	Test viêm gan B (HBeAg)	Test nhanh phát hiện định tính HbeAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người	Test	200
74	Khay thử xét nghiệm định tính Chlamydia trachomatis	Kháng thể đặc hiệu với kháng nguyên Chlamydia được phủ lên vùng vạch thử nghiệm. Dung dịch kháng nguyên được chiết xuất sẽ phản ứng với một kháng thể chống lại Chlamydia được phủ lên các hạt.	Test	100
75	Khay/Thẻ thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana, và Morphine (AMP/MET/THC/ MOP)	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch để xác định định tính sự hiện diện của các loại thuốc được liệt kê trong bảng dưới đây trong nước tiểu của con người: Amphetamine (AMP), hiệu chuẩn d-Amphetamine Methamphetamine (MET), hiệu chuẩn d-Methamphetamine Marijuana (THC), hiệu chuẩn 11-nor-Δ9-THC-9-COOH, Morphine (MOP300), hiệu chuẩn Morphine	Test	6.000
76	Que thử dùng cho máy đo đường huyết	Thành phần chính: Non-reactive ingredients ≥ 2.1 % w/v Glucose dehydrogenase(FAD-dependent) ≥ 4 unit/v $K_3Fe(CN)_6$ ≥ 4.5% w/v	Test	2.000
77	Khay thử xét nghiệm định tính Anti-HIV	- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,…đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 - Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp; - Anti-human IgG-Fc McAb; - Anti-HIV McAb.	Khay	5.000
78	Khay thử/Que thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	Xét nghiệm miễn dịch tăng cường keo vàng để xác định kháng nguyên bề mặt HBV (HBsAg) trong máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh của người. Kháng thể kháng HBsAg được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Mẫu thử phản ứng với chất liên hợp có màu (liên hợp vàng kháng thể anti-HBsAg);	Test	7.000
79	Thuốc thử xét nghiệm định tính và bán định lượng Anti Streptolysin O (ASO)	Thành phần chính: Latex: Các hạt latex được phủ bằng streptolysin O Kiểm soát dương tính: Huyết thanh người có ASO > 200 IU/mL,	Hộp	11
80	Khay thử xét nghiệm định tính Methylenedioxy Methamphetamine (MDMA)	Xét nghiệm hấp thụ sắc ký trong đó, các loại thuốc trong mẫu nước tiểu, được kết hợp cạnh tranh với một số lượng hạn chế các vị trí gắn kết liên hợp với kháng thể đơn dòng của thuốc (chuột). Liên hợp kháng thể đơn dòng của thuốc tương ứng sẽ liên kết với liên hợp thuốc-protein tương ứng được cố định trong Vùng thử nghiệm (T) của que thử.	Test	500
81	Que thử xét nghiệm định tính Ketamine (Que thử phát hiện Ketamine)	Xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện Ketamine trong nước tiểu của người, khi nồng độ chất này tăng vượt ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/mL	Test	500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Hoạt chất chính: Kháng thể kháng KET, cộng hợp KET-BSA		
82	Khay thử xét nghiệm định tính Morphine	Hấp thụ sắc ký trong đó, các loại thuốc trong mẫu nước tiểu, được kết hợp cạnh tranh với một số lượng hạn chế các vị trí gắn kết liên hợp với kháng thể đơn dòng của thuốc (chuột)	Test	250
83	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào (Hóa chất nhuộm bào tương tế bào)	Hóa chất nhuộm bào tương tế bào EA-50 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	5
84	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào (Hóa chất hợp hỗn đa sắc)	Hóa chất hợp hỗn đa sắc Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	5
85	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào (Hóa chất nhuộm nhân tế bào)	Hóa chất nhuộm nhân tế bào Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	5
86	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	chai	5
87	Giemsa	Hóa chất dùng trong giải phẫu bệnh và nhuộm tế bào Giemsa Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	3
88	Hóa chất dùng cho giải phẫu bệnh + tế bào (Hóa chất làm xanh nhân)	Hóa chất làm xanh nhân Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	1

Phụ lục 2:

BÁO GIÁ

Kính gửi: …*[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ….*[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi ….*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá(gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kĩ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất sứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan(VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1).	(2).	(3).	(4).	(5).	(6).	(7).	(8).	(9).	(10).	(11).	(12).
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
3											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: …. Ngày, kể từ ngày … tháng …. Năm ….*[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày …. Tháng….. Năm… *[ghi ngày …. Tháng …. năm …. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày ……. Tháng …… Năm…….

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))